

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2022

Giữa: *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị T. Sinh năm: 1981

*Bị đơn*: Anh Lê Viết N. Sinh năm: 1981

Đều trú tại: Thôn 6, xã X, huyện T, tỉnh T

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23/6/2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trịnh Thị T và anh Lê Viết N.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về hôn nhân*: Chị Trịnh Thị T và anh Lê Viết N tự nguyện thuận tình ly hôn.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Bích N, sinh ngày 22/8/2005 và cháu Lê Việt Thái S, sinh ngày 21/10/2009.

Hai anh chị thống nhất thỏa thuận: Chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung (phù hợp với nguyện vọng của cả 02 con chung), anh Lê Việt N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 6/2022 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

*Về tài sản chung:* Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Về án phí:* Hai bên thống nhất thỏa thuận: Chị Trịnh Thị T chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0014278 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị T được nhận lại 150.000đ. Anh Lê Việt N chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P.kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh T;
- Đương sự;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh T
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hằng**